

LESSON 1**I. NEW WORDS**

- a pain in ...	: đau ở ...
- high	: cao (chỉ nhiệt độ)
- low	: thấp (chỉ nhiệt độ)
- temperature	: sốt, nhiệt độ
- take took taken	: cầm, nắm, dẫn
- matter	: vấn đề, chuyện
- schoolday	: ngày học, ngày đi học
- a toothache	: đau răng
- an earache	: đau tai
- a sore throat	: viêm họng, đau cổ
- a stomachache	: đau dạ dày, đau bụng